

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 26-01-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 543/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ti, xã T, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Ti, xã T, huyện Cai Lay, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Do chỗ quen biết và tin tưởng nhau nên ông có cho vợ chồng anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H vay tiền để trả tiền thuê nhân công lột nhãn như sau:

Vào ngày 15/10 âm lịch/2018 nhằm ngày 21/11/2018 dương lịch vay 15.000.000 đồng;

Vào ngày 15/4 âm lịch/2019 nhằm ngày 19/5/2019 dương lịch vay 10.000.000 đồng;

Khi vay tiền giữa ông với vợ chồng anh P, chị H thỏa thuận sau một năm sẽ trả vốn, lãi suất tính theo quy định của Nhà nước, việc này hai bên có làm biên nhận. Khi đến hạn trả tiền, ông đã yêu cầu anh P, chị H trả tiền nhiều lần nhưng anh P, chị H cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả được khoản vốn và lãi nào. Nay ông khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H phải cùng liên đới trả số tiền vốn 25.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản

2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 từ khi vay đến ngày xét xử hôm nay. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H phải cùng liên đới trả số tiền vốn vay 25.000.000 đồng và tiền lãi; các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Ti, xã Tân P, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H phải cùng liên đới trả số tiền vốn vay 25.000.000 đồng:

Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là giấy vay vốn có nội dung “*Tôi đứng tên dưới đây Nguyễn Tấn P sinh năm 1972 cư ngụ ấp Ti, xã Tân P, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và vợ Phạm Thị Thu H có vay cậu sáu Nguyễn Văn T số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng chẵn) một năm trả vốn nay làm giấy này để làm bằng để khởi cải. Tân Thái ngày 15 âm lịch/10/2018*”. Theo ông T trình bày thì chữ viết trong giấy vay vốn này là do ông viết, lúc đưa tiền vay có mặt hai vợ chồng anh P, chị H nhưng chỉ có mình anh Nguyễn Tấn P ký tên vì ông nghĩ chỉ mình anh P ký tên là được. Tiếp đến ngày 15/4 âm lịch/2019 ông cho anh P chị H vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng. Căn cứ để ông T khởi kiện là giấy vay vốn ban đầu nhưng được ghi ở trang tiếp theo có nội dung: “*Ngày 15/4 âm lịch/2019 thêm 10.000.000 triệu (mười triệu), mỗi tháng trả lãi. Tổng số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu). Trước sau hai mươi lăm triệu chẵn*)” ông T khai chữ viết và kí tên là của chị Phạm Thị Thu H. Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ở lần vay tiền ngày 15/10 âm lịch /2018 chỉ có mình anh Nguyễn Tấn P ký tên, nhưng đến lần vay tiền tiếp theo vào ngày 15/4 âm lịch/2019 chị H xác nhận “*tổng số tiền là 25.000.000(hai lăm triệu). Trước sau hai mươi lăm triệu chẵn*”). Như vậy, thể hiện chị H biết và thừa nhận số tiền anh P vay của anh T 15.000.000 đồng ở lần vay trước là nợ chung của anh P và chị. Mặt khác, anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng anh P chị H không nộp bản tự khai; không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền

lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ nên cần buộc anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H phải cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn vay 25.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: Xét thấy, theo giấy vay vốn vào ngày 15/10 âm lịch/2018 nhằm ngày 21/11/2018 dương lịch anh P, chị H có vay của ông T 15.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất; và ngày 15/4 âm lịch/2019 nhằm ngày 19/5/2019 dương lịch anh P, chị H vay tiếp của ông T 10.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc anh P, chị H phải có trách nhiệm trả cho ông T tiền lãi với mức lãi 10%/năm của khoản tiền vay. Khoản 3 Điều 147 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Khi thời hạn bắt đầu bằng một sự kiện thì ngày xảy ra sự kiện không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày xảy ra sự kiện đó.”* Như vậy, tiền lãi được tính như sau:

Đối với số tiền 15.000.000 đồng: Tính từ ngày 16/10 âm lịch/2018 nhằm ngày 22/11/2018 dương lịch đến ngày xét xử (26/01/2021) là: 15.000.000 đồng x 10%/năm x 26 tháng 04 ngày = 3.175.200 đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng: Tính từ ngày 16/4 âm lịch/2019 nhằm ngày 20/5/2019 dương lịch đến ngày xét xử (26/01/2021) là: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 20 tháng 06 ngày = 1.636.200 đồng.

Tổng cộng, bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền lãi của hai lần vay là 4.811.400 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 463, Điều 466, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H phải cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay 29.811.400 đồng (trong đó tiền vốn là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 4.811.400 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn P và chị Phạm Thị Thu H phải cùng liên đới chịu 1.490.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 840.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006091 ngày 06/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

